

Số: 01/2026/CBTT/TEDIPOINT

Hà Nội, ngày 13 tháng 04 năm 2026

(V/v: Công bố năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)

Kính gửi: SỞ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám sát tư pháp xây dựng và Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Căn thông tư 06/2017/TT-BXD của Bộ Xây dựng ngày 25/4/2017 Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
- Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của bộ Xây dựng.

Theo quy định tại chương II, khoản 1 điều 10 nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026, Phòng thí nghiệm địa kỹ thuật công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Cảng – Đường thủy đã thực hiện công bố năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng trên Website của công ty vào ngày 13/04/2026, nội dung công bố theo công văn số 01/2026/CBTT-GĐCL ngày 08/04/2026 (có đính kèm theo thông báo này). Các thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đã được công ty đăng tải đầy đủ trên Website của công ty như sau: www.tediportvn.vn

Để tiếp tục duy trì cho công tác tổ chức sản xuất, thi công và báo cáo, Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Cảng – Đường thủy làm công văn này gửi tới Sở Xây dựng thành phố Hà Nội thông báo Phòng thí nghiệm địa kỹ thuật LAS-XD 24.044 đang hoạt động các lĩnh vực thử nghiệm như đã công bố.

Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Cảng – Đường thủy chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin tự công bố, cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung đã công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

Rất mong nhận được sự quan tâm giúp đỡ từ quý Sở.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VP, PTN;

CÔNG TY CỔ PHẦN TVXD CẢNG
ĐƯỜNG THỦY



GIÁM ĐỐC
DOẢN VĨNH LỘC

Số: 01/2026/CBTT/TEDIPOORT

(V/v: Công bố năng lực đủ điều kiện hoạt
động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)

CÔNG BỐ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

1. Thông tin về tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

1.1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CẢNG ĐƯỜNG THỦY

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số: 0100108374, đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 17 tháng 02 năm 2023. Cơ quan cấp: Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Số 278 Tôn Đức Thắng, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

Điện thoại: 024.38513626

Email: infor@tediportvn.com.vn

Mã số thuế: 0100108374

Website: www.tediportvn.vn

1.2. Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm địa kỹ thuật (LAS-XD 24.044)

Địa chỉ: Số 57 ngõ 29 Khương Hạ, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

Trưởng phòng: PHAN THỊ LOAN

Điện thoại: 0365521986

Email: loantot86@gmail.com

Đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 25/GCN-SXD(GĐCL) ngày 27 tháng 05 năm 2024.

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 25/GCN-SXD ngày 02 tháng 06 năm 2025

2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

2.1. Danh sách các chỉ tiêu thí nghiệm và tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng.

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị
1	2	3	4
	Cốt liệu cho bê tông và vữa		
1.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006;	- Cân kỹ thuật độ chính xác 1%;

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị
		ASTM C136; AASHTO T27 TB 10102-2023	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ sàng tiêu chuẩn, kích thước mắt sàng 2,5 mm; 5 mm; 10 mm; 20 mm; 40 mm; 70 mm; 100 mm và sàng lưới kích thước mắt sàng 140 μm; 315 μm; 630 μm và 1,25 mm theo Bảng 1; - Máy lắc sàng; - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ đạt nhiệt độ sấy ổn định từ 105°C đến 110 °C.
2.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006; ASTM C127, C128; AASHTO T84 TB 10115-2023	<ul style="list-style-type: none"> - Cân kỹ thuật, độ chính xác 0,1%; - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ sấy ổn định từ 105°C đến 110°C; - Bình dung tích, bằng thủy tinh, có miệng rộng, nhãn, phẳng dung tích từ 1,05 lít đến 1,5 lít và có tấm nắp đậy bằng thủy tinh, đảm bảo kín khí;
3.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006; ASTM C127; AASHTO T85 TB 10115-2023	<ul style="list-style-type: none"> - Cân kỹ thuật, có độ chính xác 1%; - Cân thủy tĩnh, có độ chính xác 1 %, và có giỏ đựng mẫu; - Thùng ngâm mẫu, bằng gỗ hay bằng vật liệu không gỉ; - Khăn thấm nước mềm và khô; - Thước kẹp; - Bàn chải sắt; - tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ sấy ổn định từ 105 °C đến 110 °C.
4.	Xác định khối lượng thể tích, độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006; TCVN 10322:2014; ASTM C29; AASHTO T19 TB 10102-2023	<ul style="list-style-type: none"> - Thùng đong bằng kim loại, hình trụ, dung tích 1 l; 2 l; 5 l; 10 l và 20 l, kích thước quy định trong Bảng ; - Cân kỹ thuật độ chính xác 1%; - Phễu chứa vật liệu ; - Bộ sàng tiêu chuẩn, theo TCVN 7572-2 : 2006;

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị
			<p>tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ đạt nhiệt độ sấy ổn định từ 105 oC đến 110°C</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thước lá kim loại; - Thanh gỗ thẳng, nhẵn, đủ cứng để gạt cốt liệu lớn.
5.	Xác định độ ẩm, độ hút nước	<p>TCVN 7572-7:2006; ASTM C566; AASHTO T255 TB 10115-2023</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 1%; - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ đạt nhiệt độ sấy ổn định từ 105°C đến 110°C; - Dụng cụ đảo mẫu (thìa hoặc dao).
6.	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	<p>TCVN 7572-8:2006; ASTM C117, C142; AASHTO T11, T112 TB 10102-2023 TB 10115-2023</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 0,1 % và cân kỹ thuật có độ chính xác 1%; - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ sấy ổn định từ 105 oC đến 110 oC; - Thùng rửa cốt liệu ; - Đồng hồ bấm giây; - Tấm kính hoặc tấm kim loại phẳng sạch; - Que hoặc kim sắt nhỏ.
7.	Xác định tạp chất hữu cơ	<p>TCVN 7572-9:2006; ASTM C40; AASHTO T21; TB 10102-2023</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ống dung tích hình trụ bằng thủy tinh, dung tích 250 ml và 100 ml; - Cân kỹ thuật có độ chính xác 0,1 %; - Bếp cách thủy; - Sàng có kích thước lỗ 20 mm; - Thang màu để so sánh; - Thuốc thử: NaOH dung dịch 3 %; tananh dung dịch 2 %; rượu êtylic dung dịch 1 %.
8.	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	<p>TCVN 7572-10:2006 TCVN 10324:2014 ASTM D2938</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Máy nén thủy lực; - Máy khoan và máy cưa đá; - Máy mài nước;

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị
		ASTM D7012 TB 10115-2023	- Thước kẹp; - Thùng hoặc chậu để ngâm mẫu.
9.	Xác định độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006 TB 10115-2023	Máy nén thủy có lực nén đạt 500 kN; xi lanh bằng thép, có đáy rời cân kỹ thuật có độ chính xác 1%; bộ sàng tiêu chuẩn theo tủ sấy tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ đạt nhiệt độ sấy ổn định từ 105 oC đến 110 oC; thùng ngâm mẫu.
10.	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los Angeles	TCVN 7572-12:2006; ASTM C131, C535; AASHTO T96, T327	- Máy Los Angeles, - Bi thép, khối lượng từ mỗi viên từ 390 g đến 445 g; - Cân kỹ thuật độ chính xác 1 %; - Bộ sàng, 1,7 mm; - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ sấy ổn định từ 105°C đến 110°C
11.	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006; ASTM D4791; AASHTO T335 BS 812-1 TB 10102-2023 TB 10115-2023	- Cân kỹ thuật độ chính xác tới 1%; - Thước kẹp cải tiến; - Bộ sàng tiêu chuẩn theo - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ đạt nhiệt độ sấy ổn định từ 105°C đến 110°C;
12.	Xác định hàm lượng sunfat, sunfit trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-16:2006; AASHTO T104; ASTM C88 BS 812-1 TB 10102-2023	cân kỹ thuật, chính xác đến 0,01g; Cân phân tích, chính xác đến 0,0001 g. Sàng 5mm và 4 900 lỗ/cm ² ; Bình hút ẩm; Tủ sấy; Cốc nung (dung tích 500 ml) bếp điện; Lò nung; Máy lắc; Bình định mức, dung tích 1000ml; Thuốc thử (chất chỉ thị bari

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị
			clorua); Metyl đỏ.
13.	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu và phong hóa trong đá dăm (sỏi)	TCVN 7572-17:2006; ASTM C142; AASHTO T112 TB 10102-2023	- Cân kỹ thuật độ chính xác 0,01g - Tủ sấy điều chỉnh nhiệt độ - Bộ sàng tiêu chuẩn theo 7572-2:06 - Kim sắt, kim nhôm - Búa con
14.	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006 TB 10102-2023 TB 10115-2023	- Cân phân tích độ chính xác 0,001g - Tủ sấy điều chỉnh được nhiệt độ - Bộ sàng tiêu chuẩn: 5; 2,5; 1,25; 0,63; 0,315; 0,14 - Giấy nhám khổ 330mmx210mm - Đũa thủy tinh
15.	Xác định độ chặt đất đá dăm vật liệu	TCVN 12790:2020 22TCN 333:2012 ASTM D698; ASTM D1557; BS 1377-4; AASHTO T99, T180 TB 10102-2023	Cối chày proctor, cân điện tử
16.	Xác định hệ số ES	ASTM D2419 AASHTO T176	Cân điện tử, bộ đo ES.
	Hỗn hợp bê tông và bê tông nặng		
17.	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022; ASTM C143, AASHTO T119	- Côn thử độ sụt, - Que chọc, - Phễu đổ hỗn hợp, - Thước lá kim loại dài 80cm chính xác tới 0,5cm.
18.	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:2022; ASTM C138; AASHTO T121	- Cân kỹ thuật (50g), - Thước lá kim loại, - Cân thủy tĩnh có độ chính xác tới 50g

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị
			<ul style="list-style-type: none"> - Bếp điện - Thùng nấu paraffin, - Tủ sấy 200^oC.
19.	Xác định độ tách nước và tách vữa	TCVN 3109:2022; ASTM C232; AASHTO T158	<p>Khuôn thép kích thước 200 x 200 x 200mm;</p> <p>Bàn rung tần số 2900 ÷ 3000 vòng phút, biên độ 0,5 ± 0,01mm;</p> <p>Thanh thép tròn đường kính 16mm, dài 600mm, hai đầu múp tròn; Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 50g;</p> <p>Sàng kích thước mắt 5mm. Thước lá kim loại. Tủ sấy 2000C, Khay sắt.</p>
20.	Xác định khối lượng riêng và độ rỗng của bê tông	TCVN 3112:2022	<ul style="list-style-type: none"> - Bình khối lượng riêng hoặc bình tam giác 100ml có nút thủy tinh ống dẫn mao quản, - Cân phân tích chính xác(0,01g), - Búa con, cối chày đồng, - Bình hút ẩm, - Tủ sấy 200^oC, - Sàng 2 hoặc 2,5mm, - Nước lọc, dầu hoả, cồn 90^o.
21.	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022	<ul style="list-style-type: none"> - Cân kỹ thuật chính xác (5g). - Thùng ngâm mẫu, - Tủ sấy 200^oC, - Khăn lau mẫu
22.	Xác định cường độ chịu nén	TCVN 3118:2022; ASTM C39; AASHTO T22	<ul style="list-style-type: none"> - Máy nén 150-200 tấn (6±4 daN/cm²-s, - Thước lá kim loại, - Đệm truyền tải
	Phân tích hóa nước cho xây dựng		
23.	Xác định hàm lượng cặn không tan, hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:1988 TCVN 4560:1988 TB 10103-2008	<ul style="list-style-type: none"> - Máy đo pH - Tủ giữ nhiệt

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị
24.	Xác định độ pH	TCVN 6492:2011 ISO 10523:2008 TCVN 4560:1988 TB 10103-2008	- Lò nung - Tủ sấy Memmer 250°C - Cân phân tích độ chính xác 0,001g
25.	Xác định hàm lượng ion clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996 ISO 9297:1989 TCVN 4560:1988 TB 10103-2008	-Bếp cách cát. - Chén Niken, cốc mỏ, ống đong, bình định mức, bình cầu, bình tam giác, pipet, buret..... - Hóa chất, thuốc thử các loại...
26.	Xác định hàm lượng ion Sunfat (SO ₄ ²⁻)	TCVN 6200:1996 ISO 9280:1990 TCVN 4560:1988 TB 10103-2008	
27.	Xác định lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 6186:1996 TCVN 4560:1988 TB 10103-2008	
28.	Xác định hàm lượng natri và kali	TCVN 6196-3:2000 TCVN 4560:1988 TB 10103-2008	
29.	Cacbonic (CO ₂ tự do và ăn mòn) độ cứng Cacbonat, độ cứng toàn phần, độ cứng không Cacbonat, hàm lượng CO ₃ ⁻ , CO ₃ ²⁻ , hàm lượng Mn; hàm lượng Ca ²⁺ , hàm lượng Mg ²⁺ , Hàm lượng Fe ²⁺	TCXD 81:1981 TCVN 4560:1988 TB 10103-2008	
30.	Xác định nước ăn mòn bê tông cốt thép	TCVN 12041:2017 TCVN 4560:1988 TB 10103-2008	
V	PHÂN TÍCH HÓA ĐẤT		
31.	Xác định độ pH	TB 10103-2008	Bình đựng mẫu, nhiệt kế, Ph - mét, điện cực thủy tinh và điện cực so sánh, ...
32.	Hàm lượng SO ₄ ²⁻ hoà tan	TB 10103-2008	Phễu lọc tủy tinh xốp, bình thủy tinh có vòi, cân kỹ thuật, cát cô bằng bạch kim,...
33.	Hàm lượng Cl ⁻ hoà tan	TB 10103-2008	Các thuốc thử (AgNO ₃ , KALI CRONAT, NaCl, HNO ₃ , ...),

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị
			buret, ...
34.	Hàm lượng tạp chất hữu cơ	TB 10103-2008	Nồi cách thủy, ống nghiệm, buret, bình đong, pipet,...
35.	Tổng lượng muối dễ hòa tan trong đất	TB 10103-2008	Cốc mỏ 50ml, ống hút 50ml, bình hút ẩm, tủ sấy, cân kỹ thuật, dung dịch H ₂ O ₂ 10% và nước cất,...
Cơ lý đất trong phòng			
36.	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012; AASHTO T100; ASTM D854; BS 1377-2 TB 10102-2023	<ul style="list-style-type: none"> - Dầu hỏa, - Bơm chân không (có cả bình hút chân không), - Cân kỹ thuật (0,01g), - Bình tỷ trọng (100cm³), - Cối chà sứ (đồng), - Rây 2mm, - Bếp cát, - Tủ sấy (t⁰), - Tỷ trọng kế, - Thiết bị ổn nhiệt, - Cốc nhỏ hộp nhôm có nắp
37.	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216; ASTM D425 AASHTO T265; BS 1377-2 TB 10102-2023	<ul style="list-style-type: none"> - Tủ sấy (t⁰) đến 300°C, - Cân kỹ thuật (0,01g), - Cốc thuỷ tinh (hộp nhôm có nắp), - Bình hút ẩm có clorua canxi, - Rây (1mm), - Cối và chà sứ có đầu bọc cao su, - khay men phơi đất - Cân kỹ thuật (0,01g), - Cân phân tích (0,001g), - Rây 0,5mm, - Cốc thuỷ tinh (hộp nhôm có nắp), - Tủ sấy (t⁰).
38.	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012; AASHTO T89, T90; ASTM D4318;	<ul style="list-style-type: none"> - Các tấm kính nhám, - Rây (1mm),

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị
		BS 1377-2 TB 10102-2023	<ul style="list-style-type: none"> - Cối và chày sứ có đầu bọc cao su, - Bình thuỷ tinh có nắp, - Cân kỹ thuật (0,01g), - Cốc thuỷ tinh (hộp nhôm có nắp), - Tủ sấy (t⁰), - Bát sắt tráng men, - Dao để trộn - Dụng cụ Casagrande
39.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014; AASHTO T88, T27; ASTM C136, D421, D422; D1140 BS 1377-2 TB 10102-2023	<ul style="list-style-type: none"> - Cân kỹ thuật (0,01g), - Bộ rây (10, 5, 2, 1,05; 025, 0,1mm), - Cối và chày sứ có đầu bọc cao su, - Tủ sấy (t⁰), - Bình hút ẩm có clorua canxi, - Quả lê bằng cao su, - Dao con, Cân (1g), - Máy sàng lắc, - Cân phân tích, - Tỷ trọng kế (vạch 0,001), - Bộ phận đun và làm lạnh, - Bình đong (1000cm³, ϕ 60±2mm), - Nhiệt kế (0,5⁰C), - Que khuấy, - Đồng hồ bấm, - Máy rửa, - Ống hút (5cm³ và 50cm³), - Thước thẳng 20cm.
40.	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995; ASTM D3080; BS 1377-2 TB 10102-2023	<ul style="list-style-type: none"> - Máy cắt một phẳng ứng biến 4 tốc độ - Đồng hồ đo biến dạng, - Vòng đo lực ngang,

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị
			- Quả cân (0,1.10 ⁵ N/m ²1.10 ⁵ N/m ²)
41.	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012; ASTM D1883; ASTM D2435; BS 1377-2; AASHTO T216 TB 10102-2023	- Máy nén (hộp nén, bàn máy, bộ phận tăng tải, thiết bị đo biến dạng), - Các dụng cụ khác: Mẫu chuẩn bằng kim loại, - Dao gạt đất, - Dụng cụ ấn mẫu vào dao vòng, - Tủ sấy (t ⁰), - Cân kỹ thuật (0,01g), - Đồng hồ đo biến dạng (vạch 0,01mm. - Quả cân
42.	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012; TCVN 12790:2020; 22TCN 333:06; AASHTO T99, T180; ASTM D1557, D698; BS 1377-2 TB 10102-2023	- Cối đầm nện và cần dẫn búa bằng kim loại, - Cân kỹ thuật (0,01g), - Sàng (19 mm, 5mm), - Bình phun nước, - Tủ sấy (t ⁰), - Bình hút ẩm có clorua canxi, - Hộp nhôm (cốc thủy tinh có nắp), - Dao gạt đất, - Vò đập đất, - khay (40x60cm), - Vải phủ, cối sứ, chày bọc cao su.
43.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 4202:2012; ASTM D2937, D4718; BS 1377-2 TB 10102-2023	- Dao vòng bằng kim loại - Thước cặp, - Dao cắt có lưỡi thẳng, - Cân kỹ thuật (0,01 và 0,1g), - Các tấm kính, - Dụng cụ xác định độ ẩm, - Hộp nhôm hoặc cốc thủy tinh có nắp,

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị
			- Tủ sấy (t ⁰), - Bình hút ẩm
44.	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) - Trong phòng thí nghiệm	22TCN 332:2006; TCVN 12792:2020; BS 1377-4; ASSHTO T193; ASTM D1883 TB 10102-2023	- Máy nén CBR, - Cối đầm loại to (D=152,4 mm), - Chày đầm tiêu chuẩn, - Chày đầm cải tiến, - Cối CBR, - Tấm đệm, - Tấm đo - Trương nở, - Đồng hồ đo trương nở, - Giá đỡ thiên phân kế,
45.	Xác định mô đun đàn hồi của vật liệu đá gia cố chất kết dính vô cơ trong phòng thí nghiệm	TCVN 9843:2013 TB 10102-2023	Máy nén Tấm đệm truyền tải Cối chày proctor tạo mẫu
46.	Xác định các chỉ tiêu của đất trên máy nén 3 trục (UN;UU; CU; CD; CV; CRS)	TCVN 8868:2011; ASTM D2850, D4767, D2435, D2166, D4186; AASHTO T296, T297, T208, T234; BS 1377- 7 BS 1377-8 TB 10102-2023	-Máy gọt mẫu, - Khuôn với đường kính và chiều dài định sẵn - Máy nén 3 trục
47.	Xác định độ bền nén của đất trong điều kiện có nở hông	TCVN 9438:2012 ASTM D2166 BS 1377-7 TB 10102-2023	Thiết bị tạo mẫu, máy nén 1 trục
48.	Xác định hệ số thấm K của đất	TCVN 8723:2012; ASTM D2434; AASHTO T49, T215 TB 10102-2023	- Bộ thấm đất cột nước không đổi - Bộ thấm đất cột nước thay đổi - Bảng cấp nước cho bộ thấm - Bình chứa nước
49.	Xác định đặc trưng trương nở của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8719:2012 ASTM D4546; D4829;	Thiết bị trương nở Tam Liên, dao vòng, xốp thấm, nước, đồng hồ bấm giây.

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị
		AASHTO T258 BS 1377-5 TB 10102-2023	
50.	Xác định khối lượng thể tích khô nhỏ nhất và lớn nhất của đất rời	TCVN 8721:2012 TB 10102-2023	Cối, búa rung, cân kỹ thuật Shinko, tủ sấy Memmerh.
51.	Xác định đặc tính co ngót	TCVN 8720:2012 ASTM D955, D4943,D6289 TB 10102-2023	Dao vòng, - Thước cặp cơ khí có độ chính xác đến 0,1 mm; - Các loại cân kỹ thuật có độ chính xác đến 0,1 g và 0,01 g; - Paraphin sạch; mỡ bôi trơn; đồng hồ chỉ giờ; nước cất hoặc nước sạch đã khử khoáng; - Dao cắt đất; đĩa, khay đựng đất; hai tấm kính dày khoảng 5 mm, có kích thước từ 10 cm x 10 cm đến 15 cm x 15 cm;
52.	Xác định góc nghiêng tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012 TB 10102-2023	- Bàn đế, - Mâm tròn, - Cọc bằng thép, được gắn thẳng đứng tại tâm mâm, đường kính từ 3 mm đến 5 mm có khắc vạch chia đều mm, - Thùng chứa nước, - Sàng lỗ 2 mm và 5 mm, các khay đựng đất, chày gỗ, cối và chày sứ đầu bọc cao su, nước sạch đã khử khoáng, muối xúc đất, êke...
53.	Xác định hàm lượng chất rắn lơ lửng	TCVN 6625:2000 TCVN 4560:1988 TB 10102-2023	Thiết bị để lọc màng Tủ sấy, Giá sấy Cân phân tích Thuốc thử Lọc sợi thủy tinh borosilicat
54.	Xác định hàm lượng chất hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012; AASHTO T190, T267; ASTM D 2974; BS 1377-3 TB 10102-2023	- Lò nung Carbolite 1400°C - Tủ sấy Memmer 250°C - Cân phân tích Ohaus 200g độ chính xác 0.0001g - Máy nghiền bi - Chén Niken, chén nung, cốc mỏ, ống đong, bình định mức,
	Hiện trường		

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị
55.	Đo dung trọng, độ ẩm của đất, cát bằng phương pháp dao đai	TCVN 12791:2020 ASTM D2937 AASHTO T204 BS 1377-9	- Dao đai tròn bằng thép hay đồng (dung tích 100-200cm ³), - Cân đĩa 5kg độ nhạy(1-2g), - Cân đĩa 0,5kg độ nhạy(0,1g), - Dao gạt đất lưỡi phẳng, - Hộp nhôm, - Vazolin hoặc mỡ để bôi trơn, - Chảo sấy hoặc cồn đốt 90 ^o trở lên, - Búa đóng loại 0,5kg, gỗ đệm
56.	Độ ẩm; Khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	TCVN 8729:2012 22TCN 346:2006 ASTM D1556 AASHTO T191 BS 1377-9	- Phễu rót cát, cân điện tử, cát chuẩn, cọ...
57.	Thí nghiệm nén điểm	ASTM D5731	Máy nén
58.	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2022 ASTM D1586 AASHTO T206 BS 1377-9	Búa thiết bị thí nghiệm SPT
59.	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường (FVT)	TCVN 10184:2021 22 TCN 355:2006 ASTM D2573 BS 1377-9 AASHTO T223	Máy cắt cánh, bộ phận tạo momem, cần.
	Nhựa bitum		
60.	Xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504:2005	Cốc mở 1000 ml, bếp điện, đồng hồ bấm giây, tủ sấy, giá treo mẫu và các viên đá 20x40mm

Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Cảng - Đường Thủy chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin tự công bố, cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung đã công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**



**GIÁM ĐỐC
DOÃN VĨNH LỘC**

**DANH MỤC CÁC THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM CHÍNH
VÀ DANH SÁCH THÍ NGHIỆM VIÊN**
(PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT LAS-XD 24.044)

1. Danh mục máy móc, thiết bị chính

TT	Tên thiết bị	Xuất xứ	Năm sản xuất	Số seri/ ID thiết bị	Tình trạng hiệu chuẩn
I	Thiết bị thí nghiệm đất trong phòng				
1.	Máy nén ba trục CU, UU, Un, CD CRS tự ghi kết quả vào máy tính – Model 28WF4005	Control /Italy	2010	602.2795 902511 10000203	có
2.	Máy nén cố kết, nén nhanh tự ghi kết quả vào máy tính Model 26WF0312	Control /Italy		10000345 10000346 10000347	có
3.	Máy cắt trực tiếp xác định sức kháng cắt dư, tự ghi kết quả vào máy tính Model 27WF 2160	Control /Italy		E 0685	có
4.	Máy nén Tam Liên (Eodometer) Model WG-1B Máy nén Tam Liên (Eodometer) Model GJY -800	Trung Quốc	2025	VZ-HD-00820604 VZ-HD-00820601 VZ-HD-00820605 VZ-HD-00820602 0153, 0155	có
5.	Máy nén ba trục CU, UU, Un, CD Model STSZ - 2	Trung Quốc	2009	0669	có
6.	Máy cắt phẳng ứng biến hai tốc độ Model ZJ - MC	Trung Quốc		E 0683	có
7.	Thiết bị Casagrande – MATEST Model: S170+S173	ITALY		NS 172*8*06	có
8.	Chùy vaxilieps	Trung Quốc		NS 172*8*07	có
9.	Protor cải tiến: cối TTECH6185	Trung		M.305.26	có

TT	Tên thiết bị	Xuất xứ	Năm sản xuất	Số seri/ ID thiết bị	Tình trạng hiệu chuẩn
	+ chày TTECH6187	Quốc			
10.	Protor tiêu chuẩn: cối TTECH6185 + chày TTECH6187	Trung Quốc		M.307.26	có
11.	Máy thí nghiệm CBR	ELE - Anh		1155B0900	có
12.	Bộ thí nghiệm trương nở của đất Model WZ - 2	Trung Quốc			
13.	Hộp thấm	Trung Quốc		M.530.26	có
14.	Bộ cối chày bằng sứ - TQ	Việt Nam			
15.	Chày cao su - T.TECH Model: TTECH7113	Việt Nam			
16.	Bếp cát (tỷ trọng)	Việt Nam			
17.	Khay men VN	Việt Nam			
18.	Kính nhám lăn chỉ số dẻo VN	Việt Nam			
19.	Dao vòng cắt phẳng	Việt Nam			
20.	Dao vòng + đá thấm của máy nén	Việt Nam			
21.	Bộ cối chày bằng đồng	Việt Nam			
22.	Bộ sàng đất tiêu chuẩn VN	Trung Quốc			
23.	Hộp ẩm bằng nhôm VN	Việt Nam			
24.	Máy mở mẫu đứng và ngang	Việt Nam			
25.	Tỷ trọng kế	Đức		06207063	Có
26.	Tỷ trọng kế	Đức		06207063	Có
27.	Nhiệt kế	Trung Quốc		M 306.26	có
II	Cốt liệu cho bê tông và vữa				



TT	Tên thiết bị	Xuất xứ	Năm sản xuất	Số seri/ ID thiết bị	Tình trạng hiệu chuẩn
28.	Bộ rây chạy điện	Trung Quốc			
29.	Thiết bị xác định đương lượng cát	Trung Quốc			
30.	Máy mài mòn Los Angeles	Trung Quốc			
31.	Thiết bị xác định tạp chất hữu cơ	Trung Quốc			
32.	Máy khoan đá và bê tông Acker	Trung Quốc			
33.	Bếp cách cát	Trung Quốc			
34.	Bếp, thùng nấu praphin	Trung Quốc			
35.	Thước đo hạt thoi dẹt	Trung Quốc			
36.	Xi lanh thử nén dập	Trung Quốc			
37.	Thùng thử lượng bùn sét đá, cát	Trung Quốc			
38.	Thùng định lượng tiêu chuẩn	Trung Quốc			
39.	Bộ sàng	Trung Quốc		S:01-27	có
40.	Bộ sàng tiêu chuẩn ASTM, ASSTHO	USA		S:01-27	có
41.	Bảng so màu cát	Trung Quốc			
42.	Máy cưa cắt mẫu đá, bàn đẩy mẫu theo kiểu ELE (ANH), kèm 01 lưới cắt kim cương D400 do T-TECH sản xuất	Việt Nam Trung Quốc			
43.	Dụng cụ xác định góc nghỉ của cát	Việt Nam			
44.	Bộ trưng nở đá	Trung Quốc	2025	2505110	có
III	Hỗn hợp bê tông và bê tông nặng				
45.	Khuôn đúc bê tông	Trung Quốc			

TT	Tên thiết bị	Xuất xứ	Năm sản xuất	Số seri/ ID thiết bị	Tình trạng hiệu chuẩn
46.	Dụng cụ xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	Anh			
47.	Máy nén bê tông, đá Model C055	Matest - Italia	2006	C055*9*06	có
48.	Bàn rung mẫu	Trung Quốc		M.527.26	có
IV	Hiện trường				
49.	Bộ rót cát	Trung Quốc			
50.	Bộ xuyên tiêu chuẩn (SPT)	Trung Quốc			
51.	Bộ thí nghiệm cắt cánh hiện trường (FVT)	Trung Quốc		M.479.25	có
52.	Dao vòng và thiết bị kiểm tra hiện trường	Trung Quốc			
V	Thiết bị thí nghiệm Hoá nước				
53.	Thiết bị đo pH	Trung Quốc			
54.	Máy đo nồng độ ion tại hiện trường	Trung Quốc			
55.	Tủ hút khí độc, bếp cách cát	Trung Quốc			
56.	Chén Niken, cốc mỏ, ống đong, bình định mức, bình cầu, bình tam giác, pipet, buret.....	Trung Quốc			
57.	Giấy lọc định lượng không tro: - Loại chảy nhanh, đường kính lỗ trung bình 20 µm; - Loại chảy trung bình, đường kính lỗ trung bình 7 mm	Trung Quốc			
58.	Cốc nung (dung tích 500 ml)	Trung Quốc			
59.	Máy khuấy từ	Trung Quốc			
60.	Máy khuấy đĩa	Trung Quốc			
61.	Kính lúp	Trung Quốc			
62.	Kim sắt và kim nhôm; búa con	Trung Quốc			

TT	Tên thiết bị	Xuất xứ	Năm sản xuất	Số seri/ ID thiết bị	Tình trạng hiệu chuẩn
63.	Bình phản ứng kiềm silic	Trung Quốc			
64.	Natri cacbonat (Na ₂ CO ₃) khan Kali cacbonat (K ₂ CO ₃) khan. Natri hydroxit (NaOH), dung dịch 10%, bảo quản trong bình nhựa polyetylen. Natri hydroxit (NaOH), dung dịch 30%, bảo quản trong bình nhựa polyetylen. Kali hydroxit (KOH), dung dịch 25%, bảo quản trong bình nhựa polyetylen. Kali cyanua (KCN), dung dịch 5%, bảo quản trong bình nhựa polyetylen. Bari clorua (BaCl ₂), dung dịch 10%. Axit sunfosalicilic (C ₇ H ₆ C ₆ S ₂ H ₂ O), dung dịch 10%. Axit clohydric (HCl), pha loãng (1 + 1). Axit clohydric (HCl), pha loãng (1 + 9). Axit clohydric (HCl), pha loãng (5 + 95). Axit sunfuric (H ₂ SO ₄), pha loãng (1 + 1). Axit sunfuric (H ₂ SO ₄), dung dịch 5%. Bạc nitrat (AgNO ₃), dung dịch 0,5%, bảo quản trong bình thủy tinh màu. Natri florua (NaF), dung dịch 3%	Trung Quốc			
VI	Thiết bị, dụng cụ dùng chung				
65.	Máy phát điện S5000 Model B2800/100 CM2V230CEABAC	Nhật			

100
CỘNG
HÒA
XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA
ĐƯỜNG
ĐỨC

TT	Tên thiết bị	Xuất xứ	Năm sản xuất	Số seri/ ID thiết bị	Tình trạng hiệu chuẩn
66.	Máy nén khí	ITALY			
67.	Máy chung cất nước	Trung Quốc			
68.	Máy ổn nhiệt	Trung Quốc			
69.	Bình hút ẩm	Việt Nam			
70.	Máy hút chân không	Đức			
71.	Cân điện tử Pmax = 200g	Nhật		6938564501	có
72.	Cân điện tử 600g x 0,01g	Vibra-Nhật		032035234	có
73.	Cân điện tử 5000g x 0,01g	Vibra-Nhật		032046459	có
74.	Cân điện tử 15kg x 0.5g Model: BC15	OHAUS S-Mỹ		8025200100	có
75.	Tủ sấy ED53	Binder - Đức	2012		có
76.	Lò nung 1000C Model SX2	Trung Quốc	2006		có
77.	Tủ sấy HN.101-04	Trung Quốc	2017	1312, 2825	có
78.	Bình tam giác 250ml - TQ	Việt Nam			
79.	Ống đong 1000ml - TQ	Việt Nam			
80.	Đồng hồ bấm giây	Trung Quốc			
81.	Thuốc kẹp cơ	Nhật			

2. Danh sách cán bộ, thí nghiệm viên và phân công nhiệm vụ

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ/ Văn bằng, chứng chỉ	Chức vụ	Phân công nhiệm vụ
1	Phan Thị Loan	1986	- Địa chất thủy văn - ĐCCT - Chứng chỉ Quản lý	Trưởng phòng thí nghiệm	Quản lý, điều hành công việc của Đơn vị.

1083

G TY

PHÂN

ÂY D

ÍNG T

-TP

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ/ Văn bằng, chứng chỉ	Chức vụ	Phân công nhiệm vụ
			PTN số 00121-A00125B/VNĐ-QLTN - Chứng chỉ Thí nghiệm cơ lý đất trong phòng TP98/ĐCCT	Hợp đồng số 483/TCHC ngày 22/8/2014 Số sổ BHXH:7910306604	Kiểm soát chất lượng công tác thí nghiệm địa chất. Làm các công tác thí nghiệm và xử lý số liệu. Tiếp thu chỉ đạo của LĐCT và phối kết hợp, làm việc với các Đơn vị khác.
2	Đào Bảo Ngọc	1984	- Kỹ sư kinh tế xây dựng - Đại học xây dựng - Bằng trung học giao thông vận tải, trung ương 1 về thí nghiệm vật liệu đường bộ số: 16083 - Chứng chỉ TNV về phương pháp xác định tính chất cơ lý của đất trong phòng và hiện trường số 10986/2014/VKH-TNXD cấp ngày 27/10/2014 Kiểm tra tính chất hóa học của nước cho xây dựng số 69.155.23/VKH-CN-TNV	Nhân viên Hợp đồng số 778/TCHC ngày 02/11/2010 Số sổ BHXH:0108076957	Làm các công tác thí nghiệm và xử lý số liệu.
3	Phạm Mạnh Tường	1986	Thí nghiệm cơ lý đất 00308-A00310B/VNĐ-TNV	Nhân viên Hợp đồng số 25/TCHC	Làm các công tác thí nghiệm và xử lý số liệu.

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ/ Văn bằng, chứng chỉ	Chức vụ	Phân công nhiệm vụ
				ngày 08/1/2009 Số sổ Số sổ BHXH:0109 115430	
4	Nguyễn Văn Nam	1973	- Kỹ sư vận tải Kinh tế đường sắt – ĐH Giao thông; - Thí nghiệm cơ lý của bê tông nhựa và vật liệu xây dựng trong phòng và hiện trường 00312-A00314B/VNĐ-TNV	Nhân viên Hợp đồng số 306/TCHC ngày 01/4/2023 Số sổ BHXH:0106 055074	Làm các công tác thí nghiệm và xử lý số liệu
5	Lê Tiến Dũng	1984	- Kỹ sư địa chất công trình – ĐH Mỏ - Địa chất; - Chứng chỉ TNV về phương pháp xác định tính chất cơ lý của đất trong phòng và hiện trường số TP101/ĐCCT - Chứng chỉ TNV các phương pháp thí nghiệm địa kỹ thuật hiện trường số NT268/ĐCCT	Trưởng phòng Địa chất_ địa kỹ thuật phụ trách chung Hợp đồng số 76/HĐLĐ – HCNS ngày 08/3/2023 Số sổ BHXH:0110 146867	Làm các công tác thí nghiệm. Tiếp thu chỉ đạo của LĐCT và phối kết hợp, làm việc với các Đơn vị khác.

Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Cảng - Đường Thủy chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin tự công bố, cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung đã công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**



**GIÁM ĐỐC
DOÃN VINH LỘC**